

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thuyết

Ông Nông Văn Thịnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Ông Lương Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 156/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Cao Xuân C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Xóm P3, xã P2, huyện P, tỉnh T

(Có mặt tại phiên tòa)

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984.

Nơi cư trú cuối cùng trước khi bị tuyên bố mất tích: Xóm P3, xã P2, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Cao Xuân C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H, trước khi kết hôn được tìm hiểu nhau trong thời gian 01 tháng, được sự đồng ý của hai bên gia đình, tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P2, huyện P, tỉnh T ngày 08/6/2005. Sau khi kết hôn, anh và chị H về chung sống với bố mẹ anh ở xóm P8 (nay là xóm A), xã P2, huyện P, tỉnh T. Sau một

thời gian, hai anh chị ra ở riêng ở xóm P5 (nay là xóm P3), xã P2, huyện P, tỉnh T.

Trong cuộc sống chung, giữa anh và chị H không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên giữa em gái của anh và em trai của chị H có quan hệ nam nữ, dẫn đến hai bên gia đình có nhiều mâu thuẫn với nhau, ảnh hưởng đến tình cảm của hai vợ chồng. Bên cạnh đó, chị H thiếu trách nhiệm đối với gia đình, không chịu chăm lo cho cuộc sống chung. Chị H bỏ nhà đi từ ngày 30/7/2016 đến nay không có tin tức gì, không cho anh và gia đình biết chị đi đâu và làm gì, chị H cũng không liên lạc gì với anh và gia đình. Từ khi chị H bỏ nhà đi, anh đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có thông tin gì về chị H, nơi cư trú cuối cùng trước khi chị H bỏ đi là xóm P5 (nay là xóm P3), xã P2, huyện P, tỉnh T. Năm 2023, anh yêu cầu Tòa án tuyên bố chị H mất tích. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2023/QDDST-VDS ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương đã tuyên bố chị H mất tích. Kể từ khi có Quyết định của Tòa án tuyên bố chị Nguyễn Thị H mất tích đến nay, anh C cũng không thấy chị H trở về địa phương, không có tin tức của chị H.

Anh xác định không còn tình cảm với chị H, cương quyết xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Cao Xuân M, sinh ngày 01/7/2006 và Cao Xuân Q, sinh ngày 10/7/2008, hiện 02 con chung đang sống cùng anh. Từ khi chị H bỏ nhà đi, một mình anh chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Do vậy khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị H không có tài sản chung, nợ chung. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía chị Nguyễn Thị H, chị H đã bị Tòa án nhân dân huyện Phú Lương tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2023/QDDST-VDS ngày 15/6/2023. Tại biên bản xác minh tại C an xã P2, huyện P xác định: Hiện tại không có dữ liệu cá nhân của chị Nguyễn Thị H trên cơ sở dữ liệu dân sự. Nơi cư trú cuối cùng trước khi chị H bị Tòa án tuyên bố mất tích là xóm P3, xã P2, huyện P, tỉnh T. Sau khi bị Tòa án tuyên bố mất tích, chị H không trở về địa phương, không biết chị H đi đâu, làm gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại nơi cư trú cuối cùng của chị H theo quy định để bảo đảm quyền, nghĩa vụ của chị H trước pháp luật. Tuy nhiên, chị H không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, không có tài liệu, chứng cứ, bản tự khai của bị đơn. Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các căn cứ của pháp luật để xem xét giải quyết.

Tòa án có ghi ý kiến của cháu Cao Xuân M và Cao Xuân Q. Cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với anh C.

Tại phiên toà ngày hôm nay, anh Cao Xuân C cương quyết xin ly hôn, yêu cầu được giải quyết nuôi con chung là Cao Xuân M, sinh ngày 01/7/2006 và Cao Xuân Q, sinh ngày 10/7/2008 cho đến khi con chung của anh, chị đủ tuổi trưởng thành. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và của nguyên đơn. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn được thực hiện đúng quy định của pháp luật. quyền của bị đơn đã được thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cao Xuân C, cho anh Cao Xuân C ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Cao Xuân M, sinh ngày 01/7/2006 và Cao Xuân Q, sinh ngày 10/7/2008 cho anh Cao Xuân C nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung của anh, chị đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Anh C không yêu cầu, không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung: Anh C và chị H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo đối với bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án là chị Nguyễn Thị H có nơi cư trú cuối cùng trước khi bị Tòa án tuyên mất tích tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự nên việc xét xử có sự tham gia của Kiểm sát viên theo khoản 2, Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh C có mặt, chị H vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Cao Xuân C và chị Nguyễn Thị H tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của hai gia đình và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, hai bên gia đình anh C và chị H xảy ra nhiều mâu thuẫn ảnh hưởng đến tình cảm của hai anh chị. Chị H thiếu sự quan tâm, chăm lo cho cuộc sống chung, chị H bỏ nhà đi từ ngày 30/7/2016 đến nay, không liên lạc gì với anh C và gia đình. Do chị H bỏ đi đã lâu mà không có tin tức gì, anh C đã tìm kiếm chị H nhiều nơi nhưng không có thông tin gì về chị H. Năm 2023 anh C yêu cầu Tòa án tuyên bố chị H mất tích. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2023/QDDST-VDS ngày 15/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương đã tuyên bố chị H mất tích. Xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên anh C cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Như vậy, cho đến thời điểm này, tình cảm vợ chồng giữa anh C và chị H là không còn, hai anh chị không còn sống chung với nhau nhiều năm, không còn liên lạc, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Từ ngày chị H bỏ đi đến nay, anh C đã tìm kiếm chị H nhiều lần, Tòa án cũng có thông báo tìm kiếm chị H nhưng không có kết quả.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh C và chị H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh C. Cho anh C được ly hôn với chị H là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Anh Cao Xuân C và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung là Cao Xuân M, sinh ngày 01/7/2006 và Cao Xuân Q, sinh ngày 10/7/2008. Khi ly hôn anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H bỏ đi nhiều năm không quan tâm đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, một mình anh C chăm sóc nuôi dạy con. Đến nay chị H bị tuyên bố mất tích, 02 con chung có đơn trình bày nguyện vọng muốn ở với bố. Do vậy, cần giao 02 con chung của anh chị là Cao Xuân M, sinh ngày 01/7/2006 và Cao Xuân Q, sinh ngày 10/7/2008 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế, bảo đảm tính ổn định và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh C và chị H không có tài sản chung, nợ chung. Không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Anh Cao Xuân C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp và đúng pháp luật, cần được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 2 Điều 68; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cao Xuân C.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Cao Xuân C được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. *Về con chung:* Giao cháu Cao Xuân M, sinh ngày 01/7/2006 và Cao Xuân Q, sinh ngày 10/7/2008 cho anh Cao Xuân C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Nguyễn Thị H cho đến khi có yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh Cao Xuân C và chị Nguyễn Thị H không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Án phí và quyền kháng cáo:* Anh Cao Xuân C phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng)

theo Biên lai thu số 0004388 ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử C khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn. Báo cho biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- UBND xã P2;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Giang

